



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

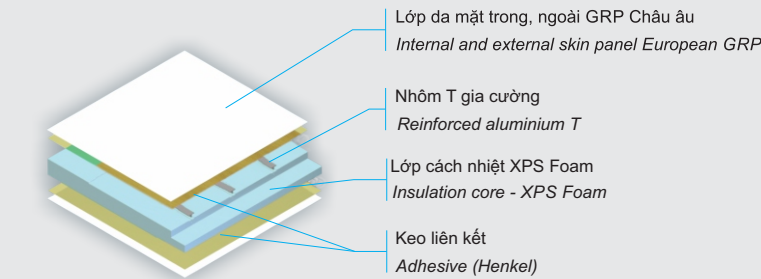
ISUZU QKR QMR77HE4A

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT	QMR77HE4A	QMR77HE4A
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			ISUZU QKR QMR77HE4A- QUYEN AUTO.BOAS/R	ISUZU QKR QMR77HE4A- QUYEN AUTO.BOAS1/R1
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		6240 x 1950 x 2850	6240 x 1950 x 2850
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		4450 x 1950 x 1950	4450 x 1950 x 1950
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		4270 x 1810 x 1780	4270 x 1810 x 1780
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		3360	3360
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		1398 / 1425	1398 / 1425
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1095 / 1785	1095 / 1785
Khoảng sáng gầm xe Ground Clearance	mm		210	210
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		1820	1820
Thông số về khối lượng / Weight				
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		2805	2805
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		1990	1990
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		4990	4990
Khối lượng phân bố lên trục trước / sau Dispose on front axle / rear axle	Kg		1945 / 3045	1950 / 3040
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres				
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			7.00 - 15	7.00 - 15
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			7.00 - 15	7.00 - 15
Thiết bị điện / Electric equipment				
Áp định mức: 12V Out put: 12V			Ắc quy / Batteries: 12V - 80Ah - 1 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 80Ah - 1 bình
Máy phát: xoay chiều Alternator:			Khởi động / Starter: 12V - 2kW	Khởi động / Starter: 12V - 2kW
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment			-	Hệ thống cấp dưỡng khí (Máy Oxy) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 750 kg > 2.0T	Sàn sóng / corrugated 750Kg > 2.0T
Panel sàn / Floor panel	80	85
Panel vách đầu Front wall panel	65	65
Panel vách 2 hông Two side wall panels	65	65
Panel nóc / Roof panel	80	80
Panel 2 cửa sau Rear door panels	65	65

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* **ĐỊA CHỈ:** số 550, ấp 4, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.
* **Tel:** (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* **Fax:** (0272) 3769 023
* **Phòng kinh doanh:**
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* **Tư vấn kỹ thuật:**
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

